

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HS-PT
Ngày 13 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thuận Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng và ông Lâm Thuận Tùng

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên toà: Ông Đinh Văn Hải
- Kiểm sát viên.

Vào các ngày 06/6/2024 và ngày 13/6/2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh A, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 84/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo. Do có kháng cáo của bị cáo các bị cáo Đỗ Thị P và đồng phạm đối với Bản án số 11/2024/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Tòa án Nhân dân huyện C, tỉnh A.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Đỗ Thị P, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1971 tại huyện C, tỉnh A; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn P1, sinh năm 1924 (đã chết) và bà Phạm Thị K, sinh năm 1937 (đã chết); anh em ruột có 09 người bị cáo là người thứ sáu; chồng Lê Văn Đ, sinh năm 1972; con có 02 người, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/10/2023, (tại phiên tòa vì lý do sức khỏe nên bị cáo có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa và thống nhất toàn bộ phần trình bày luận cứ bào chữa của Luật sư).

2. Đỗ Thị Đ1, sinh ngày 26/4/1958 tại huyện C, tỉnh A; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn P1, sinh năm 1924 (đã chết) và bà Phạm Thị K, sinh năm 1937 (đã chết); anh em ruột có 09 người bị cáo là người thứ nhất; chồng Lê Văn M, sinh năm 1966; con có 03 người, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A từ ngày 22/8/2023 đến nay. (có mặt)

3. Đỗ Thị P2, sinh ngày 10/6/1961 tại huyện C, tỉnh A; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh A; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn P1, sinh năm 1924 (đã chết) và bà Phạm Thị K, sinh năm 1937 (đã chết); anh em ruột có 09 người bị cáo là người thứ hai; chồng Võ Văn C, sinh năm 1962 (đã chết); con có 04 người, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2023. (có mặt)

4. Đỗ Thanh N, sinh ngày 22/02/1982 tại huyện C, tỉnh A; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn P1, sinh năm 1924 (đã chết) và bà Phạm Thị K, sinh năm 1937 (đã chết); anh em ruột có 09 người bị cáo là người thứ chín; vợ Phan Thị H, sinh năm 1983; con có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C kể từ ngày 06/9/2023. (có mặt)

* Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Đỗ Thị P: Luật sư Nguyễn Phước H1 - Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: Ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh A.

(Trong vụ án, bị cáo Lê Thị P3 không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, được sự cho phép của Ủy ban nhân dân huyện C, Công ty TNHH MTV N2 ký hợp đồng với Công ty cổ phần Đ2 tiến hành thi công Cầu K đường B, thuộc ấp B, xã B, huyện C nhằm phục vụ nhu cầu đi lại chung của nhân dân. Trong quá trình xây dựng thì Đỗ Thị P cùng gia đình nhiều lần đứng ra ngăn cản thi công và yêu cầu bồi thường.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 22/8/2023, khi công nhân tiến hành thi công đến trước nhà của P thì P, N, P3, Đỗ Văn Nhẫn E, Lê Thị T (em, con ruột P) đứng ra ngăn cản, không cho thi công. P, P3 lấy nước sôi pha mắm tôm dọa tạt vào công nhân. Nhận được tin báo, lực lượng Công an xã B do đồng chí Cao Thanh S phó trưởng Công an xã B cùng Trần Hữu T1, Đoàn Khắc H2, Võ Vũ L là công an viên đến để giữ trật tự tại khu vực cho công nhân xây dựng cầu, thì P, Nhẫn E dùng cây rọi nhúng dầu đốt lửa ném vào công nhân đang thi công, N lấy ống sắt, P3 múc nước sôi có pha mắm tôm dọa. Lúc này, S đến yêu cầu P, Nhẫn E, N, P3 không được cản trở thi công thì bị P3 dùng ca múc nước sôi có pha mắm tôm tạt trúng vào người của S. Nhận thấy, gia đình P không chấp hành và có sự chuẩn bị nhiều dụng cụ nguy hiểm, nên lực lượng Công an xã B báo cáo đến Ủy ban nhân dân xã B, đề nghị lực lượng Công an huyện C hỗ trợ và phối hợp cùng với Đoàn thể, chính quyền địa phương tiến hành vận động P cùng gia đình không cản trở việc thi công và mời về trụ sở làm việc nhưng P không chấp hành. Đồng thời P nói cho Đỗ Thị Đ1 và gọi

điện thoại cho Đỗ Thị P2 là chị ruột của P cho biết sự việc đang xảy ra và kêu gọi Đ1, P2 đến hỗ trợ ngăn cản việc thi công cầu và lực lượng Công an đang thi hành nhiệm vụ, P3 còn chuẩn bị 02 bình gas để trước cửa nhà nếu lực lượng Công an vào thì sẽ cho cháy nổ, P kêu P3 và Lê Thị Kiều T2 (cháu P) sử dụng vải quần vào đoạn gỗ làm thành cây rọi tầm dầu, P nấu nước sôi pha mắm tôm để làm dụng cụ chống lại lực lượng Công an. Khi lực lượng Công an xã B cùng với Đoàn thể và chính quyền địa phương đến vận động và gửi giấy mời P, P3 về trụ sở làm việc, thì P2, Đ1 đứng ra ngăn cản không cho lực lượng tiếp xúc Phân, P. Lúc này, công nhân vẫn đang thi công thì P, P3, Đ1, P2, N, T và Nhân E tiếp tục đứng ra ngăn cản, P3 và P đe dọa nếu tiếp tục thi công cầu sẽ tạt nước sôi có pha mắm tôm.

Lực lượng Công an tiếp tục yêu cầu P và gia đình không ngăn cản việc thi công và chấp hành về trụ sở làm việc, thì P cầm ca nhựa mức nước sôi pha mắm tôm tạt vào người S, cầm rọi châm lửa ném vào lực lượng Công an và ném trứng vào người của Nguyễn Hoài S1 (lực lượng Công an huyện). Phân cầm ca nhựa mức nước đang được đun nóng có pha mắm tôm tạt vào người S, cầm ca đánh T1, dùng dép ném về phía L, dùng tay, chân, đoạn gỗ đánh và đá vào người của S1, H2, S và Nguyễn Thanh L1 (lực lượng Công an huyện), cắn vào tay của Nguyễn Thị Cảnh P4, Nguyễn Hồng T3 (lực lượng Công an huyện) gây thương tích. Đào dùng nôi bằng kim loại và đoạn gỗ đánh S, H2. Nhân la lối lớn tiếng, cầm đoạn kim loại và dùng rọi châm lửa đánh, ném về phía lực lượng Công an. Phân lấy thùng nước tạt về phía lực lượng Công an, dùng rọi châm lửa ném về phía lực lượng Công an, nhằm mục đích cản trở không cho thực hiện công vụ. Nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng. Riêng Đỗ Thị P trong quá trình sử dụng rọi tầm dầu châm lửa bắt cản bị lửa bùng cháy gây phỏng.

Ngày 31/8/2023, Lê Thị P3, Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thị P2 và Đỗ Thanh N bị khởi tố điều tra. Đến ngày 27/10/2023, Đỗ Thị P bị khởi tố điều tra.

- Nguyễn Hoài S1, Nguyễn Thị Cảnh P4, Nguyễn Hồng T3, Nguyễn Văn L2, Cao Thanh S, Trần Hữu Trọng Đoàn Khắc H3, Võ Vũ L, trình bày phù hợp với nội dung của vụ án. Qua vụ việc nêu trên S1, P4, T3 và L2 không yêu cầu xử lý hình sự P, P3, Đ1, P2, N và từ chối giám định thương tích.

- Nguyễn Phước T4, Trần Hoàng T5, Huỳnh Quốc Trường S2, Nguyễn Thanh D, Phan Thanh N1, Thái Thanh V, Lê Thị T, Đỗ Văn Nhân E, Lê Văn Đ, Lê Thị Kiều T2, Lê Văn M trình bày: Phù hợp với nội dung của vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Đỗ Thị P, Lê Thị P3, Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thị P2, Đỗ Thanh N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung vụ án; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Riêng Đỗ Thị P quá trình điều tra không thành khẩn khai báo, nhằm trốn tránh trách nhiệm.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C thu giữ: 01 bình xịt nhãn hiệu MISUBITSHI, TL26 đã qua sử dụng; 01 ống kim loại màu xám trắng dài 114 cm, đường kính 4,5 cm; 04 cái ca nhựa (01 ca màu đọt chuối; 02 ca màu đỏ; 01 ca màu tím sen), mỗi ca có tay cầm dài 10 cm, kích thước cao 10cm, đường kính mặt 19cm;

66 cây gỗ tạp mỗi cây có quắn vại cũ; 01 thùng nhựa màu trắng có kích thước: đường kính mặt 31cm, đường kính đáy 26cm, cao 35cm; 01 cái thau bằng kim loại màu có kích thước: đường kính mặt 60 cm, cao 17cm; 01 cái nồi bằng kim loại có chất màu đen bám vào bị móp méo, kích thước: diện mặt (30 x 20)cm, cao 1,3cm; 02 bình gas có màu sơn trắng xám, trên mỗi bình gas có dòng chữ “My Tra Gas”, kích thước mỗi bình: Cao 59cm, đường kính 28cm; 01 cái thùng nhựa màu trắng có dung tích 10 lít.

Tại kết luận giám định số 428/KL-KTHS (KTSĐT-GT) ngày 13/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh A kết luận: Trích xuất được 57 ảnh từ dữ liệu 06 tập tin video lưu trữ trong 04 đĩa DVD (ký hiệu A1, A2, A3, A4) do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C gửi đến giám định, chi tiết thể hiện bên trong phụ lục kèm theo; kèm theo kết luận giám định là 01 phụ lục gồm 22 trang A4.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh A, đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thị P, Đỗ Thị P2, Lê Thị P3, Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thanh N phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị P 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị P2 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Thị P3 02 (Hai) năm 06 (S3) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 22/8/2023.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 06/9/2023.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Các ngày 26/02/2024, 27/02/2024 và ngày 01/03/2024 các bị cáo Đỗ Thị P; Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thanh N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; bị cáo Đỗ Thị P2 có đơn kháng cáo kêu oan, xin Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo không phạm tội chống người thi hành công vụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

riêng bị cáo Đỗ Thị P2 xác định lại yêu cầu kháng cáo là không kêu oan mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo,

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh A thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị P. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thanh N, Đỗ Thị P2. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đỗ Thị P 03 năm 06 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt các bị cáo Lê Thị P3 01 năm 06 tháng tù; Đỗ Thị Đ1 01 năm tù, Đỗ Thanh N 01 năm tù; áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đỗ Thị P2 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, cùng về tội “Chống người thi hành công vụ”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị P, Đỗ Thị P2, Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thanh N là trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Ngày 22/8/2023, do không đồng ý việc thi công cầu K nên Đỗ Thị P đã có hành vi rử rề, phân công Lê Thị P3, Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thanh N, Đỗ Thị P2 chuẩn bị thau, nôi, thùng nhựa, bình gas, thanh kim loại, nước đun nóng có pha mắm tôm, sử

dụng vải quần vào đoạn gỗ làm thành cây rọi tầm dầu để tấn công vào lực lượng Công an đang thi hành nhiệm vụ nhằm mục đích cản trở không cho lực lượng Công an thực hiện công vụ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ căn cứ xác định: Do không đồng ý việc thi công cầu K nên Đỗ Thị P đã có hành vi xúi giục, rủ rê lôi kéo, kích động và phân công Lê Thị P3, Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thanh N, Đỗ Thị P2 chuẩn bị thau, nôi, thùng nhựa, bình gas, thanh kim loại, nước đun nóng có pha mắm tôm, sử dụng vải quần vào đoạn gỗ làm thành cây rọi tầm dầu để tấn công vào lực lượng Công an đang thi hành nhiệm vụ nhằm mục đích cản trở không cho lực lượng Công an thực hiện công vụ, đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ;

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử tất cả các bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 330 của Bộ luật hình sự (phạm tội có tổ chức) là chưa đúng với tính chất và mức độ tham gia tội phạm của từng đồng phạm; bởi vì, hành vi phạm tội của các bị cáo chưa thể hiện rõ có sự cấu kết chặt chẽ và có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng theo quy định tại Điều 17 của Bộ Luật hình sự. Bị cáo Đỗ Thị P có hành vi xúi giục, rủ rê lôi kéo, kích động và chuẩn bị các công cụ cùng các bị cáo khác chống lại lực lượng thi hành công vụ nên cấu thành tội Chống người thi hành công vụ theo điểm c khoản 2 Điều 330 của Bộ Luật hình sự, còn các bị cáo Đỗ Thị P2, Lê Thị P3, Đỗ Thị Đ1 và Đỗ Thanh N với vai trò giúp sức cùng bị cáo P thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ, vì vậy hành vi của các bị cáo chỉ cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ Luật hình sự; cho nên, cần sửa bản án sơ thẩm về quyết định hình phạt đối với các bị cáo, kể cả bị cáo Lê Thị P3 không có kháng cáo như quan điểm của Vị đại diện Viên Kiểm sát nhân dân tỉnh A là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, xét thấy:

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự và an toàn xã hội ở nơi công cộng, xâm hại đến hoạt động quản lý Nhà nước, việc thực thi pháp luật của những người thi hành công vụ. Do đó, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng với việc xác định khung hình phạt nhẹ hơn so khung hình phạt các bị cáo bị áp dụng ở cấp sơ thẩm để xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng, đảm bảo răn đe nhưng cũng thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo sử dụng nước sôi và cây rọi tầm dầu đốt lên ném vào lực lượng thi hành công vụ có khả năng gây nguy hại cho nhiều người, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự; Riêng các bị cáo P2, Đ1, N

và P3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự.

Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Đỗ Thị P không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với các bị cáo P3, Đ1, P2 và N, xét giảm một phần hình phạt và riêng bị cáo P2 được xét áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự xử phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo và thể hiện hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Thị P, phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Đỗ Thị P2, Lê Thị P3, Đỗ Thanh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị P; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị Đ1, Đỗ Thanh N, Đỗ Thị P2; xem xét lại phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị P3; sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Thị P, Đỗ Thị P2, Đỗ Thanh N, Lê Thị P3 phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đỗ Thị P 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 65; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đỗ Thị P2 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Thị P2 cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh A giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử

thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

3. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 06/9/2023.

4. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Đ1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 22/8/2023.

5. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 330; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Thị P3 01 (một) năm 06 (S3) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 22/8/2023.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Đỗ Thị P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:**

- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở tư pháp;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh A;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thuận Lợi